TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **145**/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Phạm Văn Đấu
2/ Ông Nguyễn Văn Hết

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128A/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 127/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (trước đây là Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên X); Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 phố T, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Nhật H – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Ông Hoàng Nhật H uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 1186/2025/GUQ-VCBNeo ngày 18/8/2025 cho:

- Ông Dương Việt H1 - Chuyên viên Ban công nợ;
- Ông Trần Vy Nhật Q - Chuyên viên Ban công nợ;
- Ông Đinh Hoàng T – Trưởng nhóm Quản lý quan hệ khách hàng;
- Bà Nguyễn Thị Yến P - Chuyên viên Quản lý quan hệ khách hàng;

(Ông Dương Việt H1 có mặt)

2/ Bị đơn:
- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986;

- Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1992;

Cùng cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1955 *(Xin vắng mặt)*;

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952, chết năm 2025; *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N:* Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1955; Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1979; Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1982; Chị Nguyễn Thị Thuý H6, sinh năm 1984; Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986 (bị đơn nêu trên); Cùng cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã M1, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Dương Việt H1 trình bày:

Anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên X, nay là Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (sau đây gọi tắt là ”Ngân hàng”) theo Hợp đồng tín dụng số 110/2023/LOS22/MG001/HĐTD/300 ký ngày 10/5/2023, số tiền vay 2.700.000.000 (hai tỷ bảy trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 240 (hai trăm bốn mươi) tháng tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 11/5/2043, mục đích vay: bù đắp tiền mua đất ở; Lãi suất vay là 14,5%/năm trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần; Ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 11/8/2023; Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở 24 tháng, (áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất + biên độ 4%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa theo quy định của pháp luật (nếu có); Lãi suất áp dụng trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất áp dụng trên lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả nợ: Nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng; Nợ gốc được trả thành 240 kỳ; Số nợ gốc phải trả của mỗi kỳ: 11.250.000 đồng;

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H3 (là cha mẹ của anh Nguyễn Văn H2) đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 110/2023/LOS22/HĐTC/300 ngày 10/5/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Trí (Số công chứng 536, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 11/5/2023. Theo đó, tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 245610, số vào sổ cấp GCN CH02256, do Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp ngày 28/8/2014, cập nhật chỉnh lý ngày 11/01/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu anh H2 và chị L thực hiện đúng thoả thuận trả gốc và lãi theo định kỳ. Tuy nhiên, đến kỳ trả nợ ngày 25/3/2024, anh H2 và chị L không trả được mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày 15/8/2024, anh H2 và chị L đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 438.032.635 đồng, trong đó tiền gốc là 117.186.669 đồng, tiền lãi là 320.845.966 đồng.

Do anh H2 và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 3.261.398.493 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc là 2.582.813.331 đồng, tiền lãi là 678.585.162 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 25/9/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Trường hợp anh H2 và chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Toà án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 245610, số vào sổ cấp GCN CH02256, do Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp ngày 28/8/2014, cập nhật chỉnh lý ngày 11/01/2016.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Bị đơn thống nhất toàn bộ nội dung giao kết và thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản như như đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn. Nay bị đơn đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn các khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn N có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo cho khoản vay của con trai và con dâu là anh H2 và chị L nêu trên. Trường hợp anh H2 và chị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà và các con (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N) đồng ý Toà án giải quyết xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khác của ông Nguyễn Văn N gồm anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn H4, anh Nguyễn Văn H5, chị Nguyễn Thị Thuý H6 vắng mặt nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm như sau:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hộ đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn đúng quy định pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ các điều 21, 26, 35, 36, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 292, 295, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Nguyễn Văn H2, bà Trần Thị Bích L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV N số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là: 3.261.398.493 đồng, trong đó trong đó nợ gốc là 2.582.813.331 đồng, nợ lãi trong hạn 153.492.535 đồng, nợ lãi quá hạn là 505.122.055 đồng, lãi chậm trả là 19.970.572 đồng. Ông Nguyễn Văn H2, bà Trần Thị Bích L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả tất nợ. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H2, bà Trần Thị Bích L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (trước đây là Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên X) khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc, tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản" theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của anh H2 và chị L nên Ngân hàng có quyền khởi kiện theo khoản 2 Điều 68 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh H2 và chị L có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp A, xã M1, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà H3 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H3. Anh H2, chị L, anh V, anh H4, anh H5, chị H6 đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan

nên H5 đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[5] Xét yêu cầu trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh H2 và chị L có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 24/9/2025 tổng cộng là 3.261.398.493 đồng, trong đó gồm tiền gốc là 2.582.813.331 đồng, tiền lãi là 678.585.162 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2025 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 110/2023/LOS22/MG001/HĐTD/300 ngày 10/5/2023 được ký kết giữa Ngân hàng và anh H2, chị L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã H5 nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân đủ số tiền vay, đến kỳ trả nợ ngày 25/3/2024, anh H2 và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng không được nên khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, anh H2 và chị L cũng thừa nhận việc giao kết, thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ như nguyên đơn trình bày và chấp nhận trả tiền cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được H5 đồng xét xử chấp nhận, buộc anh H2 và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 110/2023/LOS22/HĐTC/300 ngày 10/5/2023 ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Nốp, bà Nguyễn Thị H3 (là cha mẹ của anh Nguyễn Văn H2), được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Trí (Số công chứng 536, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 11/5/2023. Theo đó, ông Nốp và bà H3 đã đồng ý dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của anh H2 và chị L là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 245610, số vào sổ cấp GCN CH02256 do Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp ngày 28/8/2014, cập nhật chỉnh lý ngày 11/01/2016. Xét Hợp đồng giao kết giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã H5 nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H2 và chị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H3 cũng đồng ý trong trường hợp anh chị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khác của ông Nốp không phản đối.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2025 của Tòa án ghi nhận trên thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay

là ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long không phát sinh thêm tài sản khác so với kết quả thẩm định của Ngân hàng khi các bên ký kết hợp đồng thế chấp.

Từ những lý do trên, xét thấy yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh H2 và chị L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

[8] Xét về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án tổng cộng là 400.000 đồng do anh H2 và chị L có nghĩa vụ liên đới chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong nên buộc anh H2 và chị L có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền này là phù hợp.

[9] Xét quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.261.398.493 (ba tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc là 2.582.813.331 (hai tỷ năm trăm tám mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi mốt) đồng, tiền nợ lãi là 678.585.162 (sáu trăm bảy mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L còn có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 110/2023/LOS22/MG001/HĐTD/300 ngày 10/5/2023, được ký kết giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Văn H2, chị Trần Thị Bích L.

Trường hợp anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 110/2023/LOS22/HĐTC/300 ngày 10/5/2023 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, diện tích 8431,0 m^2, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 245610, số vào sổ cấp GCN CH02256 do Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp ngày 28/8/2014, cập nhật chỉnh lý ngày 11/01/2016.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới chịu là 97.228.000 (chín mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.180.000 (bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008385 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới chịu là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong nên buộc anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền này.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (10b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân